

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HS-ST
Ngày 13/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Đầu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Hoàng Ân**

2/ Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Sển** - Kiểm sát viên.*

Trong các ngày 06 và 13 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 73/2017/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2017, về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/. Trương Hoàng N; sinh năm 1997; HKTT: Ấp MT, xã MH, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông Trương Hoàng V, sinh năm 1973 và bà Đỗ Ngọc K, sinh năm 1973; Tiền Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09/11/2016 cho đến ngày 16/6/2017) bị cáo được cho bảo lãnh tại ngoại, (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Nam: Ông **Phạm Văn C** - Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Văn C- thuộc đoàn luật sư tỉnh KG (có mặt).

2/. Huỳnh Hoàng D; sinh ngày 07/3/2000; HKTT: Ấp MT, xã MH, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Công D1, sinh năm 1970 và bà Lê Thị N, sinh năm 1975; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09/11/2016 đến ngày 16/6/2017) bị cáo được cho bảo lãnh tại ngoại. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Dũng: Bà **Nguyễn Thị K** - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh KG (có mặt)

3/. Danh T; sinh năm 1995; HKTT: Ấp MP, xã BA, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: khơme; Tôn giáo: Phật; Con ông Danh V, sinh năm 1965 và bà Thị U, sinh năm 1964; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Thà: Ông **Trần Hữu P** – Luật sư, cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh KG (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ông **Ngô Long D2;** sinh năm 1958 (có mặt)

Trú tại: KP. ML, TT. ML, huyện CT, KG.

2. Anh **Lê Hoàng R,** sinh năm 1992 (có mặt)

3. Chị **Nguyễn Thị TA,** sinh năm 1993 (có mặt)

Cùng trú tại: Số 23 NPK, khu phố NTB, phường VQ, thành phố RG, tỉnh KG.

Người làm chứng: Chị **Huỳnh Thúy H,** sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: Ấp BL, xã MH, huyện CT, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ, ngày 05/11/2016 sau khi uống rượu ở nhà ông Danh Ph trú tại ấp AB, xã MH, huyện CT, tỉnh KG, Danh T điều khiển xe mô tô loại Wave màu vàng cam mang biển kiểm soát số 68C1 – 171.66 chở phía sau Ngô Long Q đi từ lộ nông thôn ấp AB, xã MH đi ra quốc lộ 61 về nhà của Q ở thị trấn ML, huyện CT. Khi Thà chạy xe từ lộ nông thôn ra đến Quốc lộ 61 thì suýt va quệt với

mô tô hiệu Exciter màu xanh, mang biển kiểm soát 68C1-142.43 do Huỳnh Hoàng D điều khiển phía sau chở Trương Hoàng N đang lưu thông cùng chiều chạy về nhà N và D ở ấp MT, xã MH (N và D cũng vừa uống rượu tại nhà của Q ở Rạch Chanh về), T cho xe chạy qua mặt xe của N, N kêu D chạy xe đuổi theo T, D tăng ga chạy xe qua mặt xe của T, N nói với Q chạy xe kỳ vậy thì Q chửi thề với N và kêu D chạy xe vượt lên xe của N, thấy vậy N kêu D chạy xe đuổi theo xe của Q mục đích là để đánh Q và T, khi xe của D chạy đến đoạn gần dốc cầu Chung Bàu đến đoạn đường queo vào nhà của N và D, D định queo xe về nhà nhưng N kêu D tiếp tục tăng ga chạy đuổi theo xe của T và Q. D điều khiển xe chạy với tốc độ khoảng 80 đến 90 km/h đuổi theo xe của T, khi đến đoạn đường ngang quán cà phê Hương Việt thì N tháo mũ bảo hiểm đang đội trên đầu xuống cầm ở tay phải. Khi cách cầu Chung Bàu khoảng 260 m thì xe của N đuổi kịp xe T và Q, khi 02 xa ngang nhau, Nam cầm nón bảo hiểm ở tay phải đánh từ trên xuống 01 cái vào đầu Q nhưng do Q có đội mũ bảo nên chỉ trúng vào mũ bảo hiểm. Sau đó 02 xe tiếp tục rượt đuổi nhau đến đoạn đường trước lò ấp vịt Hoàng Anh thì tiếp tục đánh nhau dẫn đến xe của T và Q lạc tay lái sang phần đường bên trái đụng vào xe mô tô mang biển kiểm soát 68C1- 045.91 chạy ngược chiều do anh Lê Hoàng R điều khiển chở vợ là chị Nguyễn Thị TA ngồi phía sau. Hậu quả, làm Ngô Long Q tử vong, Danh T, Lê Hoàng R và Nguyễn Thị TA bị thương, riêng D tiếp tục điều khiển xe chở N chạy về hướng thị trấn ML, khi đến đoạn đường đầu lộ Minh Hưng thì D cho xe queo vào lộ Minh Hưng đi về nhà.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 625 ngày 30/11/2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận: Ngô Long Q tử vong do đa chấn thương.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 19 ngày 05/01/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên của Lê Hoàng R hiện tại là 72%, thương tích gây ảnh hưởng thẩm mỹ mức độ ít và gây hạn chế chức năng vận động mức độ vừa.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 30 ngày 09/01/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên của Nguyễn Thị TA hiện tại là 11%, thương tích không gây ảnh hưởng thẩm mỹ nhưng gây hạn chế chức năng vận động ngón I mức độ nhiều.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 14 ngày 19/12/2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Hậu Giang, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các

thương tích gây nên của Danh T hiện tại là 15%, vết thương phần mềm vùng đùi trái gây ảnh hưởng thẩm mỹ.

Vật chứng trong vụ án

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh – trắng – đen, số máy 55P1067666, số khung RICE 55P10By067666, biển số 68C1 -045.91 (Xe bị hư hỏng hoàn toàn phần đầu) đã trả lại cho chủ sở hữu Lê Hoàng R.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đen - vàng, số máy JA31E0031970, số khung RLHJA31XEY019903, biển số 68C1 -171.66 (Xe bị hư hỏng hoàn toàn phần đầu) đã trả lại cho chủ sở hữu Danh V.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh – trắng, số máy 55P1285739, số khung 5P 10 Dy 285729, biển số 68C1-142-43

- 01 mũ bảo hiểm (loại nón đi xe đạp thể thao) màu đỏ - đen (xung quanh nón màu đen, phía trên đỉnh đầu màu đỏ)

- 01 nón lưỡi trai màu đỏ sẫm, bên trên phía trước có chữ: UNDER ARMOUR

- 01 nón lưỡi trai màu trắng – xanh – đen, trên nón có 03 chữ Honda và 01 chữ Kim Điệp

Về trách nhiệm dân sự

Chị Nguyễn Thị TA yêu cầu bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần 15.500.000 đồng; Anh Lê Hoàng R yêu cầu bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần 34.902.000 đồng. Các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 50.452.000 đồng, cụ thể: Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 16.817.333 đồng. Hiện tại Trương Hoàng N và Huỳnh Hoàng D không đồng ý bồi thường, còn Danh T đồng ý bồi thường. Riêng Ngô Long Q đã chết và không có tài sản nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT- VKS ngày 14/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Trương Hoàng N, Huỳnh Hoàng D và Danh T về tội “Gây rối trật tự công cộng” được quy định tại khoản 1 Điều 245 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Trương Hoàng N, Huỳnh Hoàng D và Danh T về tội “Gây rối trật tự công cộng”

Và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 245 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo **Trương Hoàng N** từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 245 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo **Huỳnh Hoàng D** từ 08 tháng đến 09 tháng tù.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 245 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo **Danh T** từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng 48 BLHS năm 2015, Điều 587 và Điều 590 BLDS năm 2015 xử buộc các bị cáo Trương Hoàng N, Huỳnh Hoàng D và Danh T phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị TA và anh Lê Hoàng R số tiền 50.452.000 đồng, cụ thể: Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 16.817.333 đồng.

Riêng đối với phần trách nhiệm dân sự của Ngô Long Q, do Q đã chết và không có tài sản nên không xem xét.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 76 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 nón lưỡi trai màu trắng – xanh – đen, trên nón có 03 chữ Honda và 01 chữ Kim Điệp; 01 nón hình lưỡi trai màu trắng – xanh bên trên phía trước có hình giống chữ V màu đen của Trương Hoàng N và 01 mũ bảo hiểm (loại nón đi xe đạp thể thao) màu đỏ - đen (xung quanh nón màu đen, phía trên đỉnh đầu màu đỏ) và 01 nón lưỡi trai màu đỏ sẫm, bên trên phía trước có chữ: UNDER ARMOUR cho Huỳnh Hoàng D.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh R và chị TA không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT.

Riêng đối với Luật sư Phạm Văn C, Trợ giúp viên Nguyễn Thị K, Luật sư Trần Hữu P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Long D1 có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của Viện kiểm sát như sau:

Ông **Phạm Văn C** - Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Văn C- thuộc đoàn luật sư tỉnh KG bào chữa cho bị cáo N trình bày:

- Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT truy tố bị cáo N về tội “Gây rối trật tự công cộng” được quy định khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội nên hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về phần hình phạt cũng mong HĐXX xem xét các vấn đề sau: Cáo trạng mà Viện sát truy tố còn chung chung; về nhân chứng trong vụ án có những lời khai không khách quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị TA và anh Hoàng R khai cũng chưa chính xác nên cần phải xem xét lại. Còn về mức hình phạt đối với bị cáo N mà VKS đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo N từ 09 đến 12 tháng tù là cao so với những tình tiết trong vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét khi lượng hình, bởi bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại phiên tòa N luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi mà N đã gây ra. Do đó, kính mong HĐXX xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn so với mức án mà VKS đề nghị cũng đủ thể hiện tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Do N không phải là người gây ra thương tích cho anh R và chị TA nên không thống nhất với quan điểm của VKS là buộc bị cáo N phải liên đới cùng với bị cáo D và T bồi thường thiệt hại cho chị TA và anh R

Bị cáo N không bổ sung gì thêm về quan điểm bào chữa của Luật sư.

Bà **Nguyễn Thị K** - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh KG bào chữa cho bị cáo D trình bày:

- Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT truy tố bị cáo N về tội “Gây rối trật tự công cộng” được quy định khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội nên Trợ giúp viên hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về phần hình phạt cũng mong HĐXX xem xét: Khi phạm tội thì D chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, trong vụ án này thì bị cáo D có vai trò thứ yếu khi được N kêu chạy xe theo đuổi đánh T và Q thì bị cáo cũng nghe theo. Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Trợ giúp viên đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất của khung hình phạt cũng đủ nghiêm và đủ tính răn đe giáo dục đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư Phạm Văn C là không đồng ý cùng với N và T liên đới bồi thường cho chị TA và anh Hoàng R.

Bị cáo D không bổ sung gì thêm về quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên

Ông **Trần Hữu P** – Luật sư, cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh KG bào chữa cho bị cáo T trình bày:

- Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT truy tố bị cáo T về tội “Gây rối trật tự công cộng” được quy định khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội nên Trợ giúp viên hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về phần hình phạt mà đại viện VKS đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo T mức án từ 06 đến 09 tháng tù là quá nghiêm khắc đối với bị cáo, bởi bị cáo cũng chỉ là người có vai trò thứ yếu chỉ là người chạy xe chở Q, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc nên việc nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất.

- Về trách nhiệm dân sự thì thống nhất với quan điểm của VKS là đồng ý cùng với bị cáo N và D liên đới bồi thường thiệt hại cho chị TA và anh Hoàng R

Bị cáo T không bổ sung gì thêm về quan điểm bào chữa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Long D1 trình bày: Ông D1 đề nghị HĐXX xem xét lại việc đại diện VKS truy tố các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” và yêu cầu xem xét mức bồi thường cho gia đình ông.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 16 giờ, ngày 05/11/2016 do có sự mâu thuẫn với nhau trong lúc điều khiển xe mô tô giữa Danh T, Ngô Long Q và Huỳnh Hoàng D, Trương Hoàng N xảy ra trên quốc lộ 61 thuộc ấp AB, xã MH, huyện CT, tỉnh KG. Lúc này, Danh T điều khiển xe mô tô chở Ngô Long Q; Huỳnh Hoàng D điều khiển xe chở Trương Hoàng N rượt đuổi đánh nhau trên đoạn đường dài khoảng 02 km, từ đó dẫn đến Danh T lạng tay lái chạy lạng sang đường bên trái đụng vào xe anh Lê Hoàng R chở vợ là chị Nguyễn Thị TA đang điều khiển xe chạy ngược chiều lại. Hậu quả là cho Ngô Long Q tử vong do sốc đa chấn thương, anh Lê Hoàng R bị tổn thương 72%, chị Nguyễn Thị TA bị tổn thương 11%. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 245 BLHS năm 1999 thì *“Người nào gây rối trật tự công cộng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”*. Như vậy, hành vi sử dụng xe mô tô rượt đuổi đánh nhau trên đường gây hậu quả nghiêm trọng là Q tử vong, anh Hoàng R bị tổn thương 72%, chị TA bị tổn thương 11% của các bị cáo N, D và T đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Gây rối trật tự công cộng”* như đã viện dẫn ở trên.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm vào những nội qui, qui tắc, điều lệ ... về trật tự ở những nơi công cộng, xâm phạm đến trật tự chung, vi phạm nếp sống văn minh, qui tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường ở những nơi công cộng. Mặc dù nhận thức được điều đó, thế nhưng xuất phát từ một chút mâu thuẫn nhỏ trong việc đi đường với nhau mà các bị cáo không kiềm chế được bản thân, cố ý sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ rượt đuổi đánh nhau trên đường gây hoảng sợ cho người dân. Từ hành vi sai trái của các bị cáo đã gây ra hậu quả làm cho T lạng tay lái đâm sang phần đường bên trái đụng vào xe mô tô của anh R chở phía sau chị TA đang chạy ngược chiều đến, làm cho Q bị tử vong còn anh R và chị TA thì bị thương nặng. Với hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án tương xứng để răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết giảm nhẹ:

3.1 Tại phiên tòa các bị cáo N và D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân các bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sau khi phạm tội bị cáo N đã tích cực khắc phục hậu quả cho người anh R và chị TA nên cần xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo N được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng đối với bị cáo D khi phạm tội D vẫn chưa thành niên nên khả năng nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế nên cần áp dụng thêm nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 101 BLHS cho bị cáo. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và hiện tại hành vi phạm tội của các bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội nên HĐXX nghị án thống nhất không cần thiết phải tách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa mà cần xem xét áp dụng thêm Điều 328 BLTTHS năm 2015 xử phạt các bị cáo thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam cũng là phù hợp.

3.2 Đối với bị cáo T: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên việc am hiểu pháp luật có phần còn hạn chế nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đối chiếu theo nghị Quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng thêm Điều 65 BLHS năm 2015, không cần thiết phải tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo tự thân học tập, cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đã đủ nghiêm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, HĐXX nhận thấy các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, chỉ mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình các bị cáo cũng gặp khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, thiết nghĩ cần xem xét giảm nhẹ thêm 01 phần hình phạt cho các bị cáo cũng là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo N và bị cáo D (Luật sư Phạm Văn C và Trợ giúp viên Nguyễn Thị K): Về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cũng như xem xét về mức hình phạt đối với bị cáo Nam và Dũng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận, riêng về phần trách nhiệm dân sự HĐXX nhận thấy: Tuy bị cáo N và D không phải là người trực tiếp gây tổn hại đến sức khỏe của anh R và chị TA nhưng nguyên nhân mà T gây ra tai nạn cho anh R và chị TA cũng chính từ hành vi rượt đuổi đánh nhau trên đường giữa nhóm của N và nhóm của T đã tác động gián tiếp đến việc T lạc tay lái đâm qua bên đường gây ra tai nạn cho anh R và chị TA. Do đó, HĐXX nhận thấy cả 03 bị cáo đều có lỗi trong vụ án này, nên việc đại diện VKS đề nghị HĐXX buộc bị cáo N cùng với D và T phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh R và chị TA là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của ông **Trần Hữu P**- Luật sư, văn phòng luật sư Phạm Văn C, thuộc đoàn luật sư tỉnh KG bào chữa cho bị cáo T là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

7.1 Tại phiên Tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng R và chị Nguyễn Thị TA yêu cầu các bị cáo N, D và T như sau: Anh R yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích và tiền tổn thất tinh thần cho anh với tổng số tiền là 34.902.000 đồng, (cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 11.634.000 đồng). Chị TA yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích và tiền tổn thất tinh thần cho chị với tổng số tiền là 15.550.000 đồng (cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 5.167.000 đồng), căn cứ vào Điều 48 BLHS năm 2015, Điều 587 và Điều 590 BLDS năm 2015 xét yêu cầu của anh R và chị TA là có căn cứ pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

7.2 Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Long D1 yêu cầu các bị cáo N, D và T liên đới bồi thường cho gia đình ông chi phí mai táng chôn cất Q và tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền 85.000.000 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu của ông D1 là không có căn cứ để chấp nhận, bởi trong vụ án này Q cũng có lỗi một phần là cùng T tham gia rượt đuổi đánh nhau trên đường với nhóm của N dẫn đến hậu quả Q phải tử vong, anh R và chị TA thì bị thương nặng nên nếu Q còn sống thì Q cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm Hình sự cùng với các bị cáo N, D và T.

[8] Về xử lý vật chứng:

8.1 Đối với 01 nón lưỡi trai màu trắng – xanh – đen, trên nón có 03 chữ Honda và 01 chữ Kim Điệp; 01 nón hình lưỡi trai màu trắng – xanh bên trên phía trước có hình giống chữ V màu đen của Trương Hoàng N và 01 mũ bảo hiểm (loại nón đi xe đạp thể thao) màu đỏ - đen (xung quanh nón màu đen, phía trên đỉnh đầu màu đỏ) và 01 nón lưỡi trai màu đỏ sậm, bên trên phía trước có chữ: UNDER ARMOUR cho Huỳnh Hoàng D đây là vật chứng mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên căn cứ vào Điều 76 BLHS và Điều 106 BLTTHS cần xử tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 245 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015 và khoản 5 Điều 328 BLTTHS năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trương Hoàng N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo **Trương Hoàng N 07** (bảy) tháng **07** (bảy) ngày tù, thời hạn tù bằng thời hạn tam giam từ ngày (09/11/2016 đến ngày 16/6/2017).

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Trương Hoàng N tại phiên tòa.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 245 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38 BLHS năm 2015 và khoản 5 Điều 328 BLTTHS năm 2015

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Hoàng D phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Hoàng D 07** (bảy) tháng **07** (bảy) ngày tù, thời hạn tù bằng thời hạn tam giam từ ngày (09/11/2016 đến ngày 16/6/2017)

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Huỳnh Hoàng D tại phiên tòa.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 245 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Danh T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo **Danh T 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Danh T cho Ủy ban nhân dân xã BA, huyện CT, tỉnh KG giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015, Điều 587 và Điều 590 BLDS năm 2015 xử: Buộc các bị cáo N, D và T liên đới bồi thường cho anh Lê Hoàng R số tiền 34.902.000 đồng, (cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 11.634.000 đồng) và liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị TA số tiền 15.550.000 đồng (cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 5.167.000 đồng). Bị cáo Trương Hoàng N được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng đã nộp trước theo biên lai thu tiền số: 03264 ngày 19/01/2017, còn dư lại 3.199.000 đồng xử trả lại cho Trương Hoàng N.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTTHS năm 2015 xử tịch thu tiêu hủy 01 nón hình lưỡi trai màu trắng – xanh bên trên phía trước có hình giống chữ V màu đen của Trương Hoàng N, 01 mũ bảo hiểm (loại nón đi xe đạp thể thao) màu đỏ - đen (xung quanh nón màu đen, phía trên đỉnh đầu màu đỏ) và 01 nón lưỡi trai màu đỏ sẫm, bên trên phía trước có chữ: UNDER ARMOUR cho Huỳnh Hoàng D.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 08/QĐCGVC ngày 09/02/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử buộc các bị cáo Trương Hoàng N, Huỳnh Hoàng D và Danh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo D và T mỗi bị cáo phải nộp thêm $(16.801.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 840.000 \text{ đồng}$ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các bị cáo và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Mai Tấn Đầu

